

CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO4

-----***-----



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN CÔNG TY
NĂM 2012**

Nghệ an, tháng 3 năm 2013

Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4 Năm 2012

I-Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4**
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 7 năm 2012
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197-Nguyễn Trường Tộ - T.P Vinh-Nghệ An
- Số điện thoại: Điện thoại: 038 353 1065
- Số fax: Fax: 038 385 3433
- Website: vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4

2-Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

- Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

- Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng ban nghiệp vụ quản lý, các đội xây lắp điện, xưởng sản xuất công nghiệp và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã tham gia thi công xây lắp các công trình ĐD 500kV Bắc Nam mạch 1; mạch 2; ĐD 500kV Pleiku - Phú Lâm, ĐD 500kV Quảng Ninh - Thường Tín ; ĐD 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan, ĐD 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, ĐD 220 kV Tuyên Quang-Yên Bái; ĐD 220 kV Yên Bái- Lào Cai, ĐD 220 kV đầu nối Nhà máy thủy điện Bản Chát và nhiều công trình điện trọng điểm khác trên mọi miền đất nước.

- Năm 2008, từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng, Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng và hiện nay vốn điều lệ thực góp là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm, sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

- Năm 2012, Công ty được được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội .

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

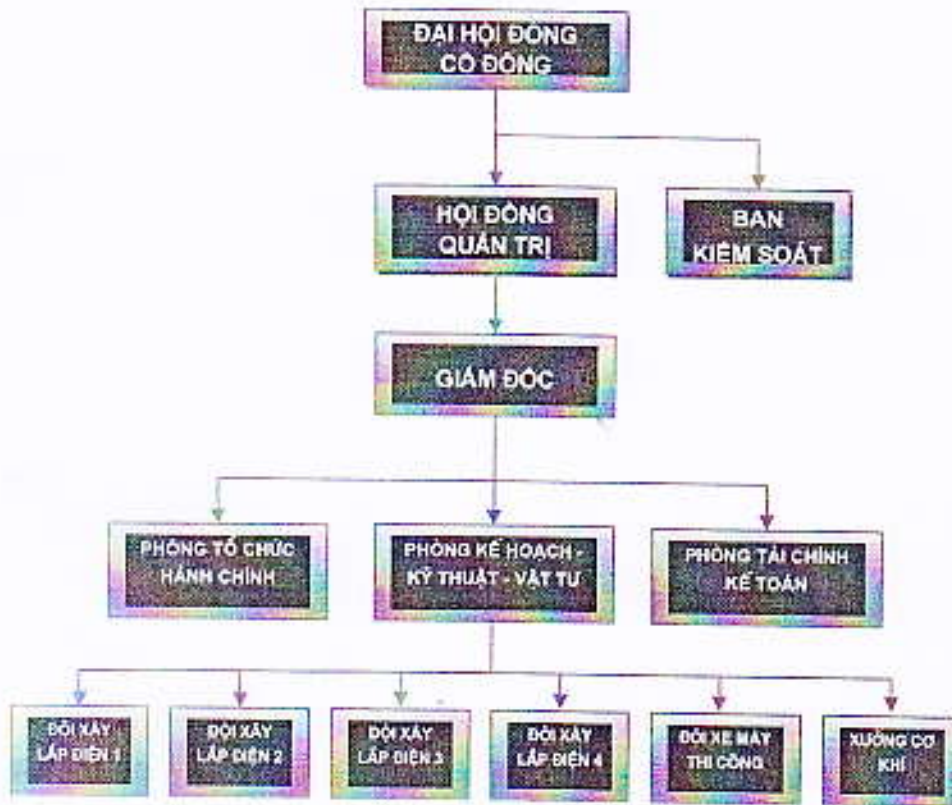
- + Lắp đặt hệ thống điện;
- + Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- + Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Gia công cơ khí;

- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở các tỉnh:

- + Tỉnh Nghệ An;
- + Tỉnh Hà Tĩnh;
- + Tỉnh Thanh Hoá;
- + Thành phố Hải Phòng;
- + Tỉnh Quảng Ninh;
- + Tỉnh Thái Bình;
- + Tỉnh Hà Giang;
- + Tỉnh Sơn La;
- + Tỉnh Lai Châu;
- + Tỉnh Phú Thọ.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:
Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Phan Huy Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên
Ông Lê Văn Huyền	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách

nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Phan Huy Thành Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bốn Phó Giám đốc

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Bà Trần Thị Thúy Vân Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Năng Đồng Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Hà Ủy viên

Các Phòng chức năng

*** Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật- Vật tư**

Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật- Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành; đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng tổ chức-hành chính:**

Phòng tổ chức - hành chính là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu:

Chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ. ... và các công tác khác có liên quan.

*** Phòng Tài chính - Kế toán:**

Phòng tài chính kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích

hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

*** Các đội xây lắp điện, xây dựng:**

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả

*** Xưởng cơ khí:**

Là thành viên của Công ty chuyên gia công, chế tạo các kết cấu thép, chế tạo, sửa chữa dụng cụ thi công, một số phụ kiện điện phục vụ thi công các công trình điện có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Định hướng phát triển;

4.1- Mục tiêu chung của Công ty:

+ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.

+ Mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh đa ngành nghề. Trước hết hướng đến một số lĩnh vực trọng tâm là xây lắp giao thông, thủy lợi.

4.2- Phương hướng thực hiện:

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Về vốn: tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành.

5. Các rủi ro:

*** Rủi ro về kinh tế :**

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty xây lắp điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế

*** Rủi ro từ biến động lãi suất**

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng.. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

*** Rủi ro từ biến động tỷ giá**

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

** Rủi ro thanh toán*

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

** Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

** Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

** Rủi ro bất khả kháng :*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1-Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012: (Số liệu đã được kiểm toán)

-Doanh thu: 35.138.985.091 đồng,

-Lợi nhuận sau thuế: 1.209.519.379 đồng

(Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD -phụ lục Mẫu B 02-DN kèm theo)

1.2-Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	So sánh thực hiện/KH năm (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Tổng giá trị sản lượng	Tr. đ	110.000	112.000	101,82
2	Doanh thu	Tr. đ	42.600	35.138	82,5
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	2.012	1.209,5	61,11

1. Tổ chức và nhân sự của Công ty

Danh sách Ban Giám đốc:

+ Giám đốc: Ông Phan Huy Thành

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 28/10/1955

Nơi sinh : xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186 519 496 cấp ngày 25/8/2006 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Bến Thủy - Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.

Điện thoại liên lạc : 038 3538019 / 0913 274210

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện - Cao cấp lý luận chính trị.

Quá trình công tác:

12/1972 - 7/1984: Nhập ngũ vào Quân đội ND Việt Nam;

8/1984 - 8/1986: Chuyên ngành;

9/1986 - 3/1991: Sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên - Khoa Điện;

4/1991 - 2/2007: Công tác tại các đơn vị thành viên của Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam) với các chức vụ lần lượt là: Cán bộ kỹ thuật, Đội trưởng Đội xây lắp điện, Phó Phòng, Trưởng Phòng kế hoạch - kỹ thuật, Phó Giám đốc.

2/2007 - 02/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP xây dựng điện VNECO4.

3/2010 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP xây dựng điện VNECO4 - Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Tổng số cổ phần nắm giữ: 264.351 cổ phần (Chiếm 25,72% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 24.486 cổ phần (Chiếm 2,38% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 239.865 cổ phần (Chiếm 23,33% vốn điều lệ thực góp)

-Phó giám đốc: Ông Nguyễn Văn Bốn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06-07-1958

Nơi sinh : Mỹ Thịnh - Hưng Mỹ - Hưng Nguyên - Nghệ An
Số CMND : 181330570 cấp ngày 04/06/2009 tại tỉnh Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Hưng Mỹ - Huyện Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú : Phường Đông Vinh - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại liên lạc : 0913275058
Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Quá trình công tác:

Từ năm 1982 đến 1986: Đi thực tập sinh tại Tiệp Khắc.

Từ tháng 11/1987 đến tháng 4/2008: Công tác tại Xí nghiệp cơ điện (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4) với các chức vụ lần lượt là: Công nhân, Quản đốc phân xưởng, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư .

Từ tháng 05/2008 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám Đốc

Tổng số cổ phần nắm giữ: 7.546 cổ phần (Chiếm 0,73% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.546 cổ phần (Chiếm 0,73% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Các thành viên quản lý khác:

-Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thế Tam

Giới tính : Nam

Ngàysinh : 25-11-1961

Nơi sinh : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186581332 cấp ngày 17/03/2005 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Thanh Tường - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 6 - Phường Trường Thi - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

Điện thoại liên lạc : 0383.853934

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Từ tháng 02/1984 đến tháng 02/1987: Nhập ngũ vào quân đội.

Tháng 07/1987 đến tháng 07/1991: Sinh viên Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội.

Từ tháng 12/1991 đến tháng 3/2010: Công tác tại Công ty xây dựng thủy lợi 24 qua các chức vụ: cán bộ, Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng.

Từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2010: Thành viên ban kiểm soát - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 24.

Từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010: Phó trưởng phòng, Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 07/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Trưởng Phòng Kế hoạch-Kỹ thuật- vật tư: Ông Nguyễn Ngọc Ân

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 30-12-1966

Nơi sinh : Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Số CMND : 182008780 cấp ngày 04/12/2006 tại tỉnh Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Khối Đại Lợi - Phường Đông Vĩnh -Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ an.

Điện thoại liên lạc: 0383 854495; 0912 132098

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng 7/1986 đến 1990: Kỹ thuật xưởng cơ khí Xi nghiệp cơ điện - Công ty XL điện 3.

Từ năm 1990 - 2002: Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Từ năm 2003 - 2007:

Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên Phòng Kinh tế - kế hoạch - Công ty CP Xây lắp điện 3.4 (Nay là Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 4).

Từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2010: Trưởng Ban kiểm soát, Phó Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 02/2010 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư

Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0,83% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0,83% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2012 Công ty không có đầu tư lớn về tài chính hoặc dự án khác.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm năm sau so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	40.569.895.721	40.646.913.585	+0,19
Doanh thu thuần	38.236.868.494	35.138.985.091	-8,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.142.465.418	1.243.458.726	+8,84
Lợi nhuận khác	642.359.166	317.432.299	-50,58
Lợi nhuận trước thuế	1.784.824.584	1.530.891.025	-14,23
Chi phí thuế TNDN hiện hành	340.414.951	321.371.646	-5,59
Lợi nhuận sau thuế	1.444.409.633	1.209.519.379	-16,26
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,457	1,177	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1-Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,10	0,10	
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,90	0,90	
2-Cơ cấu nguồn vốn(Cơ cấu vốn)			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (Nợ phải trả/Tổng tài sản)	0,64	0,64	
- Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)	0,36	0,36	
3-Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,42	1,39	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	1,36	1,35	
Nợ ngắn hạn			
4-Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,03	
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,03	
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,01	0,08	
5-Những thay đổi về vốn cổ đông			
6-Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12	14.801.373.922	14.451.735.468	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:

	31/12/2012
	<u>Cổ phần</u>
Tổng số cổ phần	1.028.000
Trong đó	
+ Cổ phần phổ thông	1.028.000
+ Cổ phần chuyển nhượng tự do	408.493
+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	619.507
+ Mệnh giá cổ phần	10.000đ/CP

- Cơ cấu cổ đông:

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2012

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trong nước	139	1.028.000	10.280.000.000	100,00%
a.	Tổ chức	2	575.386	5.753.860.000	55,97%
	<i>Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam</i>	<i>1</i>	<i>562.602</i>	<i>5.626.020.000</i>	<i>54,73%</i>
	<i>Công đoàn Công ty</i>	<i>1</i>	<i>12.784</i>	<i>127.840.000</i>	<i>1,24%</i>
b.	Cá nhân	137	452.614	4.526.140.000	44,03%
	<i>Trong Công ty</i>	<i>51</i>	<i>208.283</i>	<i>2.082.830.000</i>	<i>20,26%</i>
	<i>Ngoài Công ty</i>	<i>86</i>	<i>244.331</i>	<i>2.443.310.000</i>	<i>23,77%</i>
2	Nước ngoài	0	0	0	0,00%
	Tổng cộng	139	1.028.000	10.280.000.000	100,00%

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1-Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012, mặc dầu gặp nhiều khó khăn nhưng hoạt động SXKD của Công ty vẫn duy trì được ở mức khá, đạt chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, đảm bảo được việc làm thường xuyên cho người lao động. Cụ thể: sản lượng đạt 101,82% chỉ tiêu kế hoạch. Tuy nhiên, chỉ

tiêu doanh thu chỉ đạt 35.138.985.091 đồng = 83,7%; lợi nhuận sau thuế đạt 60,11 % chỉ tiêu kế hoạch do một số công trình hoặc hạng mục công trình không được triển khai đúng tiến độ do vướng đền bù giải phóng mặt bằng hoặc vật tư A cấp chậm, chi phí đầu vào như giá nguyên, nhiên vật liệu.... tăng cao.

1. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Bảng 2.1 Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tỷ Trọng %		Chênh lệch	
	2011	2012	2011	2012	Giá trị	%
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	36.525	36.519	256,98	233,21	-6,00	-0,02
I. Tiền	1.061	1.700	2,62	4,18	639,00	60,23
II. Các khoản đầu tư TCNH	263	472	0,65	1,16	209,00	79,47
III. Các khoản phải thu NH	31.260	30.744	77,05	75,64	-516,00	-1,65
IV. Hàng tồn kho	1.608	1.034	3,96	2,54	-574,00	-35,70
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.333	2.569	5,75	6,32	236	10,12
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.045	4.127	9,97	10,15	82	2,03
I. Tài sản cố định	3.095	2.952	7,63	7,26	-143,00	-4,62
II. Bất động sản đầu tư						
III. Các khoản đầu tư TCDH	950	1.175	2,34	2,89	225,00	23,68
V. Tài sản dài hạn khác						
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	40.570	40.646	100	100	76,00	0,19
NGUỒN VỐN						
A. NỢ PHẢI TRẢ	25.769	26.195	63,52	64,45	426,00	1,65
I. Nợ ngắn hạn	25.769	26.195	63,52	64,45	426,00	1,65
II. Nợ dài hạn						
B. NGUỒN VỐN CSH	14.801	14.451	36,48	35,55	-350,00	-2,36
I. Vốn chủ sở hữu	14.801	14.451	36,48	35,55	-350,00	-2,36
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	40.570	40.647	100	100	77,00	0,19

Thông qua bảng phân tích tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể tách riêng ra để xem xét sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2012 đã tăng lên 76 triệu đồng so với năm 2011, tức đã tăng lên 0,19% thể hiện SX kinh doanh có hiệu quả. Năm 2012 khoản đầu tư Tài chính dài hạn của Công ty tăng, hiệu quả sản xuất cũng như chất lượng công trình tăng. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này chúng ta cần xem xét sự biến động của các khoản mục trong tài sản.

Vào thời điểm năm 2012 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 36.519 triệu đồng năm 2011 là 36.525 triệu đồng. Vậy tài sản ngắn hạn của công ty đã giảm xuống so với năm 2011. Điều này là do ảnh hưởng của các nguyên nhân sau:

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2012 là 31.260 triệu đồng năm 2011 là 30.744 đã giảm xuống là 516 triệu đồng, chi tiết ở đây là các khoản phải thu khách hàng. Đây là điều thể hiện việc thanh toán Công ty có tích cực. Nhưng công ty cần phải thực hiện tốt hơn nữa công tác thu hồi công nợ, giảm ứ đọng vốn để tăng khả năng sử dụng vốn.

Hàng tồn kho năm 2012 là: 1.034 triệu đồng; năm 2011 là 1.608 triệu đồng giảm so với năm 2011 là 574 triệu đồng, giảm 35,7%. Đây là kết quả giảm của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Năm 2012 trên cơ sở sản lượng thực hiện được Công ty tích cực nghiệm thu nhanh gọn do đó sản lượng dở dang năm 2012 thấp hơn năm 2011, đây là thể hiện tích cực nghiệm thu của Công ty. Ngoài giá trị sản lượng dở dang năm 2012 thấp hơn năm 2011 còn phải đánh giá đến việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu có hiệu quả, cung ứng sát với nhu cầu sản xuất và được thể hiện: Năm 2012 tồn kho: 117,6 triệu đồng; năm 2011 tồn kho: 459,2 triệu đồng giảm 341,6 (459,2-117,6) triệu đồng.

Qua phân tích phần tài sản ngắn hạn cho thấy rằng để đạt được hiệu quả sản xuất và lợi nhuận cao nhất cho công ty, tích cực giảm bớt chi phí hàng tồn kho, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ,

Tình hình nợ phải trả.

Trong năm 2012 đã tăng 426 triệu đồng so với năm 2011, với tỷ lệ tăng là 1,65%. Chiếm tỷ trọng trong tổng nguồn vốn là 64,45%, tức đã tăng lên 0,93% (64,45 - 63,52). Điều này cho thấy trong hoạt động SXKD công ty hầu như không chiếm dụng vốn của đối tác. Để đi sâu tìm hiểu chúng ta cần phân tích nguồn gốc của sự biến động.

$$\text{Nguồn vốn} = \text{Vay ngắn hạn} + \text{Nợ dài hạn đến hạn trả} + \text{Nợ dài hạn}$$

Theo công thức trên ta có được nguồn vốn tín dụng của công ty năm 2012 là = 1.452.801.612 so với năm 2011 là công ty không còn nợ. Với việc mở rộng sản xuất, thi công một số công trình đang dở dang như: Công trình ĐD 220 kV đầu nối NM thủy điện Bản Chát, ĐD 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa .v.v.. công ty không trang trải đủ thì việc vay vốn là tất yếu vì nó giúp cho công ty có đủ nguồn vốn cho việc mua nguyên vật liệu, trả các chi phí khác để đảm bảo đúng tiến độ nghiệm thu công trình trong năm.

Nguồn vốn đi chiếm dụng

Nguồn vốn đi chiếm dụng	+ Phải trả cho Người bán	+ Người mua trả tiền trước	+ Thuế và các khoản phải nộp	+ Phải trả người Lao động	+ Phải trả ngân hạn	+ Chi phí phải trả
-------------------------------	--------------------------------	----------------------------------	------------------------------------	---------------------------------	---------------------------	--------------------------

Theo công thức trên ta có nguồn vốn đi chiếm dụng của công ty trong năm 2012 là 19.083 triệu đồng, năm 2011 là 20.995 triệu đồng, giảm 1.912 triệu đồng so với năm 2011. Như vậy phải nói đến việc chi trả, thanh toán nợ, nộp ngân sách nhà nước của Công ty là tốt, với số liệu đó xét tổng thể Công ty hầu như không có sự chiếm dụng nguồn vốn. Điều này cho thấy rằng trong năm qua sự uy tín, sự tin tưởng từ khách hàng cũng như các nhà cung cấp đối với công ty đã được nâng cao.

2. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

+ Về cơ cấu tổ chức: căn cứ tình hình và yêu cầu SXKD, trong các năm qua đã thành lập các Ban chỉ đạo thi công các công trình điện như ĐD 220 kV đấu nối NM thủy điện Bản Chát, ĐD 500 kV Quảng Ninh-Hiệp Hoà để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, tổ chức, triển khai thi công các công trình xây dựng.

+ Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các quy chế quản lý.

+ Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca

3. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2013. Cụ thể theo bảng sau:

T	Các chỉ tiêu chủ yếu	DVT	Thực hiện 2012	KH năm 2013	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1	Giá trị sản lượng	Tr.đ	112.000	115.000	102,68	
2	Doanh thu	Tr. đ	35.138	36.150	102,8	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.209	1.700	140,55	

IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

- Năm 2012, tuy nền kinh tế nước ta vẫn gặp nhiều khó khăn, trong đó có ngành xây dựng nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, đảm bảo sản lượng, lợi nhuận cho công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

+ Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2013 và các năm tiếp theo.

- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

V- Quản trị công ty:

1- Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT			Không quản lý điều hành
2	Phan Huy Thành	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	24,486	2,38	
3	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên, HĐQT	7.546	2,38	
4	Nguyễn Ngọc Ân	Thành viên, HĐQT	8.582	0,83	
5	Lê Văn Huyền	Thành viên, HĐQT	5.144	0,5	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm HĐQT có 04 cuộc họp. Cụ thể như sau:

+ Cuộc họp thứ nhất: Ngày 28/3/2012 họp Hội đồng quản trị thông qua các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 gồm : Báo cáo kết quả SXKD 2011 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2012; Báo cáo của Hội đồng quản trị, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2011, Tổng mức thù lao của HĐQT và Ban KS năm 2012, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2012 và quyết định thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 10/4/2012.

+ Cuộc họp thứ 2: Ngày 15/5/2012 họp Hội đồng quản trị thông qua Hồ sơ đăng ký niêm yết trình Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội phê duyệt với Nghị quyết số 02-2012/NQ/-HĐQT ngày 15/5/2012.

+ Cuộc họp thứ 3: Ngày 25/9/2012, căn cứ Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hội đồng quản trị đã họp để xác định và đề xuất thời gian khai trương giao dịch cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 16/10/2012 và các vấn đề liên quan nội dung buổi lễ này.

+ Cuộc họp thứ 4: Ngày 04/12/2012 họp Hội đồng quản trị đánh giá tình hình, bàn giải pháp hoàn thành đúng tiến độ công trình ĐD 220 kV đấu nối NM thủy điện Bản Chát và một số nội dung cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2012.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành là ông Trần Văn Huy- Chủ tịch HĐQT. Năm qua, ông Huy đã thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của một Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2-Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Thị Thúy Vân	Trưởng Ban	2.300	0,22	
2	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên	6.840	0,66	
3	Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên	2.027	0,2	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc

- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty. Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng và năm đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng

c) Các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, thủ lao của HĐQT và Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được tổ chức vào ngày 10/4/2012 đã phê chuẩn mức thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2012 là: 120.000.000 đồng/năm, thù lao cho Ban kiểm soát năm 2012 là: 24.000.000 đồng. Các khoản lợi ích được thể hiện bảng sau

* Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HDQT			24.000.000	24.000.000
2	Phan Huy Thành	Ủy viên HDQT-kiểm Giám đốc Cty	205.616.596	25.800.000	18.000.000	249.416.598
3	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HDQT- P.Giám đốc	158.219.942	19.800.000	18.000.000	196.019.942
4	Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên HDQT	135.763.108	19.800.000	18.000.000	173.563.108
5	Lê Văn Huyền	Ủy viên HDQT	82.426.573	12.000.000	18.000.000	112.426.573
6	Trần Thị Thúy Vân	Trưởng ban KS	66.370.168	10.800.000	9.000.000	86.170.168
7	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	84.028.664	5.800.000	6.000.000	95.828.664
8	Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên BKS		-	6.000.000	6.000.000
9	Nguyễn Thế Tam	Kế toán trưởng	104.226.743	3.800.000		115.026.743
10	Trần Đức Việt	Tr.phòng TCHC	103.366.803	3.800.000		113.166.803

* Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch cổ phiếu vì thời gian này các thành viên trên đang cam kết nắm giữ.

* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

* Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày chốt danh sách

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ % số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	0		
2	Phan Huy Thành	Ủy viên HĐQT- kiêm Giám đốc Cty	24.486	2,38	
3	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT- P.Giám đốc	7.546	0,73	
4	Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên HĐQT	8.582	0,83	
5	Lê Văn Huyền	Ủy viên HĐQT	5.144	0,5	
6	Trần Thị Thúy Vân	Trưởng ban KS	2.300	0,22	
7	Nguyễn Năng Đồng	Thành viên BKS	6.820	0,66	
8	Nguyễn Thị Thúy Hà	Thành viên BKS	2.027	0,20	

VI- Báo cáo tài chính:

1-Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013 từ trang 04 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài

chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

1- Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
 Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.519.919.480	36.525.280.120
I. Tiền và khoản tương đương tiền	110	V.1	1.700.294.065	1.060.553.551
1. Tiền	111		700.294.065	1.060.553.551
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		472.209.400	262.862.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.774.152.606	1.774.152.606
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.301.943.206)	(1.511.290.406)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.744.319.925	31.260.533.845
1. Phải thu khách hàng	131		30.056.460.367	29.660.893.541
2. Trả trước cho người bán	132		152.608.322	1.042.180.262
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	667.141.007	557.460.042
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(131.889.771)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.034.427.383	1.607.922.846
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.034.427.383	1.607.922.846
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.568.668.707	2.333.407.678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		187.042.756	152.211.349
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.381.625.951	2.181.196.329
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.126.994.105	4.044.615.601
I. Tài sản cố định	220		2.951.994.105	3.094.615.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.951.994.105	3.094.615.601
- Nguyên giá	222		8.714.007.351	8.460.452.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.762.013.246)	(5.365.836.482)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.175.000.000	950.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	2.500.000.000	2.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.325.000.000)	(1.550.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.646.913.585	40.569.895.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.195.178.117	25.768.521.799
I. Nợ ngắn hạn	310		26.195.178.117	25.768.521.799
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	1.452.801.612	-
2. Phải trả người bán	312		6.826.545.736	4.934.339.891
3. Người mua trả tiền trước	313		354.836.653	512.551.550
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	3.102.566.017	3.208.607.262
5. Phải trả người lao động	315		7.149.049.428	10.042.453.604
6. Chi phí phải trả	316	V.10	543.681.066	1.290.612.664
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.104.604.927	1.006.276.377
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.12	5.116.266.659	4.109.999.160
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		544.826.019	663.681.291
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.451.735.468	14.801.373.922
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	14.451.735.468	14.801.373.922
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.828.754.870	2.828.754.870
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		383.788.361	248.209.419
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		959.192.237	1.444.409.633
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.646.913.585	40.569.895.721

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	35.138.985.091	38.236.868.494
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.138.985.091	38.236.868.494
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.166.829.369	31.396.254.764
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.972.155.722	6.840.613.730
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	278.766.398	259.626.164
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	(247.517.249)	2.050.760.174
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		186.829.951	353.510.522
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.284.980.643	3.907.014.302
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.213.458.726	1.142.465.418
9. Thu nhập khác	31		711.286.610	939.352.280
10. Chi phí khác	32		393.854.311	296.993.114
11. Lợi nhuận khác	40		317.432.299	642.359.166
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.530.891.025	1.784.824.584
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	321.371.646	340.414.951
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.209.519.379	1.444.409.633
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.177	1.457

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	38.422.793.816	34.726.359.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(14.122.466.706)	(23.673.936.368)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.723.381.463)	(8.136.056.508)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(186.829.951)	(353.510.522)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(390.100.927)	(409.976.240)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.670.419.844	4.486.187.111
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(14.620.988.884)	(4.030.297.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.445.729	2.608.769.899
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(496.756.911)	(85.960.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	16.757.000	17.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	253.221.193	259.626.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(226.778.718)	190.938.890
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.233.370.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.552.896.872	2.724.929.490
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.100.095.260)	(4.634.972.576)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(635.728.109)	(1.628.393.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	817.073.503	(2.305.066.486)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	639.740.514	494.642.303
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.060.553.551	565.911.248
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.700.294.065	1.060.553.551

Nghệ an, ngày 28 tháng 03 năm 2013

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT
- Lưu HĐQT VNECO4

